

✠ **Số chứng thư:** 012/2026/A.105 (**Số hợp đồng:** **A.093/26**/SaigonPA/HĐ)

✠ **Khách hàng yêu cầu thẩm định giá:** Bà Đinh Thị Cài

✠ **Địa chỉ:** 51/34 Cao Thắng, phường 3, quận 3, TP Hồ Chí Minh

**Tài sản thẩm định giá:** Giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng

✠ **Địa chỉ tài sản thẩm định:** Thừa phân chiết số 59-1, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính phường Bàn Cờ, Tp HCM (địa chỉ: 51/34 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, TP HCM) theo bản đồ hiện trạng vị trí có số HĐ: 132142/TTĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Nông nghiệp và Môi trường TP HCM cấp ngày 06/05/2026

✠ **Ngày phát hành chứng thư:** 29/06/2026.

Số: 012/2026/A.105

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2026



## CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

**Kính gửi: Bà Đinh Thị Cải**

Căn cứ Hợp đồng thẩm định giá số A.093/26/SaigonPA/HD ngày 16/06/2026 ký kết giữa Công ty TNHH Thẩm định giá Sài Gòn và Bà Đinh Thị Cải;

Căn cứ Báo cáo thẩm định giá số 012/2026/A.105 ngày 29/06/2026 của Công ty TNHH Thẩm định giá Sài Gòn;

Công ty TNHH Thẩm định giá Sài Gòn cung cấp Chứng thư thẩm định giá số 012/2026/A.105 ngày 29/06/2026 với các nội dung sau đây:

### 1. KHÁCH HÀNG YÊU CẦU THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Tên khách hàng : Bà Đinh Thị Cải
- Địa chỉ : 51/34 Cao Thắng, phường 3, quận 3, TP Hồ Chí Minh.
- CCCD : 030179004168

### 2. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Tên DN : Công ty TNHH Thẩm định giá Sài Gòn (Saigon PA)
- Địa chỉ : Số 151 Trần Huy Liệu, Phường Phú Nhuận, TP HCM.

### 3. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại Thừa phân chiết số 59-1, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính phường Bàn Cờ, TP HCM (địa chỉ: 51/34 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, TP HCM) theo bản đồ hiện trạng vị trí có số HD: 132142/TTĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Nông nghiệp và Môi trường TP HCM cấp ngày 06/05/2026.

### 4. THỜI ĐIỂM THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Tháng 06/2026. Ngày khảo sát hiện trạng 19/06/2026.

### 5. MỤC ĐÍCH THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Phục vụ công tác xét xử.

### 6. CƠ SỞ GIÁ TRỊ THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Cơ sở giá trị thị trường.

### 7. GIẢ THIẾT VÀ GIẢ THIẾT ĐẶC BIỆT:

- Pháp lý của tài sản thẩm định giá là hợp pháp.
- Điều kiện giao dịch trên thị trường bình thường, người bán sẵn sàng bán và người mua sẵn sàng mua, không bị chi phối bởi lý do chủ quan khác.
- Giá ước tính giao dịch thành công là giá đại diện cho tài sản trên thị trường.
- Người cung cấp thông tin/hướng dẫn khảo sát có đầy đủ thẩm quyền, hiểu biết về tài sản.
- Giả thiết đặc biệt: xác định giá trị tài sản thẩm định trong điều kiện giả định chủ tài sản được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong tương lai (chưa xem xét đến các chi phí liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có).





# CÔNG TY THẨM ĐỊNH GIÁ SÀI GÒN

151 Trần Huy Liệu, Phường Phú Nhuận, Tp.HCM

Tel: 028. 3995 6939 - Fax: 028. 3995 6596

Website: www.thamdinggiaisaigon.com - Email: info@saigonpa.vn

**SAIGON PA**

## 8. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Cách tiếp cận từ thị trường - Phương pháp so sánh.
- Cách tiếp cận từ chi phí - Phương pháp chi phí thay thế.

## 9. GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ:

| Stt                           | Tên tài sản                                                                                                                                                                                                                                                                         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (VND/m <sup>2</sup> ) | Giá trị thẩm định (VND) |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| I                             | Thửa phân chiết số 59-1, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính phường Bàn Cờ, Tp HCM (địa chỉ: 51/34 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, TP HCM) theo bản đồ hiện trạng vị trí có số HĐ: 132142/TTĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Nông nghiệp và Môi trường TP HCM cấp ngày 06/05/2026. |                             |                               |                         |
| 1                             | Giá trị quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                           | 81,90                       | 299.938.000                   | 24.564.922.200          |
| 2                             | Giá trị công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |                               | 1.508.547.000           |
| Tổng giá trị (VND)            |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |                               | <b>26.073.469.200</b>   |
| Tổng giá trị (VND) (làm tròn) |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |                               | <b>26.073.000.000</b>   |

**Kết luận tổng giá trị tài sản (làm tròn): 26.073.000.000 VND.**

**Bằng chữ:** Hai mươi sáu tỷ không trăm bảy mươi ba triệu đồng.

## 10. THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

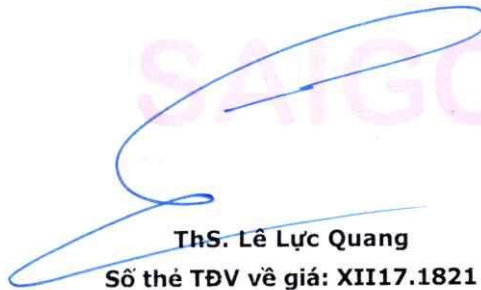
- Thời hạn sử dụng kết quả thẩm định giá tài sản này là sáu (06) tháng kể từ ngày phát hành chứng thư thẩm định giá này.

## 11. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ VÀ HẠN CHẾ CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Kết quả thẩm định giá chỉ có hiệu lực khi các bên tham gia tuân thủ và hoàn thành các điều khoản trong hợp đồng thẩm định giá số A.093/26/SaigonPA/HĐ. Trong trường hợp khách hàng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ thanh toán đã ghi trong Hợp đồng nêu trên trong thời hạn quy định thì mặc nhiên hợp đồng vô hiệu và toàn bộ Chứng thư/ Báo cáo thẩm định giá liên quan đến Hợp đồng này nếu được thoả thuận giao trước cho khách hàng sẽ không có giá trị pháp lý.
- Khách hàng là chủ tài sản hoặc bên thứ ba yêu cầu thẩm định giá phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc cung cấp hồ sơ pháp lý, tài liệu liên quan quyền sở hữu, quyền sử dụng, đặc tính kinh tế - kỹ thuật và các tính năng khác có liên quan đến tài sản thẩm định và hướng dẫn Saigon PA khi khảo sát vị trí và hiện trạng thực tế tài sản.
- Khách hàng và các bên liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh mục, số lượng và các thông tin khác liên quan đến tài sản được thẩm định giá đã cung cấp. Saigon PA không thẩm định tính sở hữu hợp pháp hay những thay đổi pháp lý trên giấy tờ gốc mà có thể hiện hoặc không thể hiện trên bản sao đã được cung cấp, và Saigon PA giả định rằng tất cả giấy tờ pháp lý được cung cấp là trung thực và chính xác.
- Kết quả thẩm định trên đây, mặc dù đã được khảo sát, phân tích rất kỹ lưỡng nhưng vẫn là ý chủ quan của Tổ thẩm định giá. Nó có giá trị tham khảo cho mục đích đã ghi trong hợp đồng tại thời điểm thẩm định giá.

- Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng "cho một mục đích thẩm định giá" duy nhất theo yêu cầu của khách hàng tại hợp đồng. Chúng tôi không chịu trách nhiệm khi khách hàng sử dụng chứng thư sai mục đích đã yêu cầu.
- Báo cáo thẩm định giá được lập dựa trên pháp lý, đặc điểm kinh tế kỹ thuật, hiện trạng của tài sản thẩm định, năng lực chuyên môn của tổ thẩm định, các giả định, giả thiết được nêu xuyên suốt trong nội dung của báo cáo. Độ tin cậy của báo cáo phụ thuộc nhiều vào khả năng nhận xét và mức độ am hiểu của người đọc đối với các điều khoản đính kèm trong bản báo cáo này. Saigon PA hoàn toàn không có bất kỳ lợi ích nào, ngoài hợp đồng dịch vụ thẩm định giá, có thể gây ra mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến giá trị tài sản thẩm định.
- Các số liệu được đo lại trên bản vẽ sơ đồ nhà đất hoặc bản đồ quy hoạch như diện tích, chiều rộng mặt tiền, chiều rộng mặt cắt đường (nếu có) chỉ mang tính tham khảo do có thể có sự sai lệch tỷ lệ trên bản vẽ hoặc sai số trong quá trình đo đạc của tổ thẩm định. Sự sai lệch này có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định giá. Do đó, Saigon PA đề nghị các bên liên quan lưu ý khi sử dụng Chứng thư thẩm định giá.
- Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị khi đi kèm với các giả thiết, giả định được nêu xuyên suốt trong báo cáo thẩm định giá. Khách hàng và các bên liên quan chấp nhận rủi ro khi một số giả định được nêu ra có thể không chính xác trong thực tế, làm ảnh hưởng đến kết quả thẩm định giá. Do đó, Saigon PA đề nghị các bên liên quan cần xem xét kỹ trước khi sử dụng Chứng thư thẩm định giá.
- Chứng thư thẩm định giá được phát hành 03 bản chính. Trong đó, Saigon PA giữ 01 bản, khách hàng giữ 02 bản – có giá trị như nhau.
- Mọi hình thức sao chép Chứng thư thẩm định giá không có sự đồng ý bằng văn bản của Saigon PA đều là hành vi vi phạm pháp luật.

**THẨM ĐỊNH VIÊN**



**ThS. Lê Lực Quang**  
Số thẻ TĐV về giá: XII17.1821

**TUQ. CTHĐTV kiêm GIÁM ĐỐC**

**P. CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Thị Diệu Vi**  
Số thẻ TĐV về giá: IX14.1228

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2026*

## **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH GIÁ**

### **1. CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ:**

- Tên DN : Công ty TNHH Thẩm định giá Sài Gòn (Saigon PA)
- Địa chỉ : Số 151 Trần Huy Liệu, Phường Phú Nhuận, TP HCM.
- Mã số thuế : 0309509811
- Người đại diện: Nguyễn Thị Diệu Vi Chức vụ: P. Chủ tịch HĐQT
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số 012/TĐG do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 19/08/2015 và cấp đổi lần 4 ngày 27/06/2025.
- Thẩm định viên thực hiện: ThS. Lê Lực Quang Số thẻ thẩm định viên: XII17.1821
- Hoạt động theo Thông báo số 1294/TB-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài Chính về Danh sách thẩm định viên về giá tại các doanh nghiệp thẩm định giá kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá năm 2026.
- Điện thoại : 0236.358.8068 - Hotline: 0909.186.779
- Email : sale.saigonpa@gmail.com - Website: <http://saigonpa.vn>

### **2. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CUỘC THẨM ĐỊNH GIÁ:**

#### **2.1. Thông tin về khách hàng thẩm định giá:**

- Tên khách hàng : Bà Đinh Thị Cài
- Địa chỉ : 51/34 Cao Thắng, phường 3, quận 3, TP Hồ Chí Minh.
- CCCD : 030179004168

#### **2.2. Thông tin về tài sản thẩm định giá:**

- Giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại Thừa phân chiết số 59-1, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính phường Bàn Cờ, Tp HCM (địa chỉ: 51/34 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, TP HCM) theo bản đồ hiện trạng vị trí có số HĐ: 132142/TTĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Nông nghiệp và Môi trường TP HCM cấp ngày 06/05/2026.

#### **2.3. Mục đích thẩm định giá:**

- Phục vụ công tác xét xử.

#### **2.4. Cơ sở giá trị thẩm định giá:**

- Cơ sở giá trị thị trường.

#### **2.5. Thời điểm thẩm định giá:**

- Tháng 06/2026.
- Ngày khảo sát hiện trạng 19/06/2026.

#### **2.6. Nguồn thông tin được sử dụng trong quá trình thẩm định giá:**

- Thông tin do khách hàng cung cấp;
- Thông tin thu thập trực tiếp từ kết quả khảo sát thực tế tại khu vực thẩm định giá;

- Thông tin thị trường về các giao dịch/rao bán tài sản trên các báo, internet, sàn giao dịch bất động sản và các phương tiện truyền thông khác đã qua kiểm chứng;
- Thông tin từ các văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực thẩm định giá;
- Thông tin từ cơ sở dữ liệu sẵn có của Công ty Thẩm định giá Sài Gòn.

#### **2.7. Căn cứ pháp lý để thẩm định giá:**

- Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/06/2023;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;
- Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều chỉnh điều của Luật giá về thẩm định giá.
- Nghị định 95/2024/NĐ-CP ngày 24/07/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở;
- Nghị định số 71/2024 ngày 27/06/2024 của Chính phủ về Quy định về giá đất;
- Thông tư số 34/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính, Quy định thi, cấp, quản lý, thu hồi thẻ thẩm định viên về giá;
- Thông tư số 39/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính, Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và cấp chứng chỉ nghiệp vụ thẩm định giá;
- Thông tư số 38/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính, Quy định về đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá; trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp, chế độ báo cáo về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá;
- Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính, Ban hành các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm định giá, phạm vi công việc thẩm định giá, cơ sở giá trị thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá;
- Thông tư số 31/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính, Ban hành Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về thu thập và phân tích thông tin về tài sản thẩm định giá;
- Thông tư số 32/2024/TT-BTC ngày 16/06/2024 của Bộ Tài chính, Ban hành chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về cách tiếp cận từ thị trường, cách tiếp cận từ chi phí, cách tiếp cận từ thu nhập;
- Thông tư số 36/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính, Ban hành Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá doanh nghiệp;
- Thông tư số 37/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính, Ban hành Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá tài sản vô hình;
- Thông tư số 42/2024/TT-BTC ngày 20/06/2024 của Bộ Tài chính, Ban hành Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá bất động sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có mã số doanh nghiệp: 0309509811 ngày 09/11/2009 và cấp đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 05 năm 2026;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá số 12/TĐG ngày 19/08/2015; cấp lại lần 4 ngày 27/6/2025;
- Thông báo số 2194/TB-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài Chính về Danh sách thẩm định viên về giá tại các doanh nghiệp thẩm định giá kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá năm 2026;

- Nghị quyết số 87/2025/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của HĐND thành phố Hồ Chí Minh Ban hành quy định Bảng giá đất lần đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 24/09/2024 của UBND TPHCM quyết định ban hành bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- Hợp đồng thẩm định giá số A.093/26/SaigonPA/HĐ ngày 16/06/2026 ký kết giữa Công ty TNHH Thẩm định giá Sài Gòn và Bà Đình Thị Cải;
- Bản đồ hiện trạng vị trí có số HĐ: 132142/TTĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Nông nghiệp và Môi trường TP HCM cấp ngày 06/05/2026.
- Bản vẽ hiện trạng nhà có số HĐ: 132142/TTĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Nông nghiệp và Môi trường TP HCM cấp ngày 06/05/2026.
- Quyết định thẩm định giá tài sản số 7777/2026/QĐ-TĐG của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/05/2026.

### **3. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ:**

#### **3.1. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại Thừa phân chiết số 59-1, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính phường Bàn Cờ, Tp HCM (địa chỉ: 51/34 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, TP HCM)**

##### **3.1.1. Vị trí**

- Tài sản thẩm định tọa lạc tại: Thừa phân chiết số 59-1, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính phường Bàn Cờ, Tp HCM (địa chỉ: 51/34 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, TP HCM) theo bản đồ hiện trạng vị trí có số HĐ: 132142/TTĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Nông nghiệp và Môi trường TP HCM cấp ngày 06/05/2026.
- Vị trí: Tài sản thẩm định có 1 mặt tiếp giáp hẻm thông ra đường Bàn Cờ (đường nhựa rộng khoảng 6m) và 1 mặt tiếp giáp hẻm bê tông rộng khoảng 3,5m; vị trí tài sản cách đường Bàn Cờ khoảng 25m, cách đường Nguyễn Đình Chiểu khoảng 60m.

##### **3.1.2. Hiện trạng khu đất**

- Tổng diện tích đất theo kích thước trên Bản vẽ hiện trạng vị trí là: 81,9m<sup>2</sup>.
- Chiều rộng mặt tiền: khoảng 4,72m.
- Mục đích sử dụng đất: Đất ở (theo yêu cầu của khách hàng).
- Hình dạng lô đất: Cân đối.
- Hiện trạng sử dụng: Trên đất có công trình xây dựng là nhà phố.

##### **3.1.3. Công trình xây dựng trên đất**

- Tại thời điểm thẩm định, Saigon PA không khảo sát được bên trong tài sản do không có sự hợp tác của người đang sử dụng căn nhà (nhà A, B, C), chỉ khảo sát được ngoại quan của tài sản. Do đó, theo yêu cầu của khách hàng, Saigon PA tính giá trị công trình xây dựng theo thông tin trên Bản vẽ hiện trạng nhà, hợp đồng thẩm định giá và kết cấu chính bên ngoài tài sản.

##### **a. Nhà A**

- Quy mô/Số tầng: Nhà 4 tầng.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 45 m<sup>2</sup>.
- Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, sàn gỗ, cột BTCT, cột gạch, nền gạch Ceramic, mái tôn.
- Hiện trạng: Đang sử dụng bình thường.
- Đánh giá chất lượng còn lại của công trình xây dựng:
  - + Ngoại quan tổng thể bên ngoài ở mức trung bình, nhà đã cũ.
  - + Tường ở mức trung bình, nước sơn xuống cấp, bong tróc ẩm mốc.
  - + Mái ở mức trung bình, đã xuống cấp.

– **Chất lượng còn lại của phần công trình xây dựng:**

| Kết cấu chính                                      | Tỷ lệ của kết cấu chính % | Tỷ lệ hao mòn % | Tỷ lệ chất lượng còn lại % | Tỷ lệ còn lại của kết cấu chính % |
|----------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------------------------|
| Móng                                               | 10                        | 41              | 59                         | 5,9                               |
| Khung, cột                                         | -                         | -               | -                          | -                                 |
| Tường                                              | 18                        | 41              | 59                         | 10,62                             |
| Nền,sàn                                            | 16                        | 42              | 58                         | 9,28                              |
| Kết cấu đỡ mái                                     | 3                         | 43              | 57                         | 1,71                              |
| Mái                                                | 10                        | 44              | 56                         | 5,6                               |
| Tổng cộng                                          | 57                        |                 |                            | 33,11                             |
| <b>Tỷ lệ chất lượng còn lại của công trình (%)</b> |                           |                 |                            | <b>58,09%</b>                     |

**b. Nhà B**

- Quy mô/Số tầng: Nhà 3 tầng.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 60,6 m<sup>2</sup>.
- Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, sàn gỗ, cột BTCT, cột gạch, nền gạch Ceramic, mái tôn.
- Hiện trạng: Đang sử dụng bình thường.
- Đánh giá chất lượng còn lại của công trình xây dựng:
  - + Ngoại quan tổng thể bên ngoài ở mức trung bình, nhà đã cũ.
  - + Tường ở mức trung bình, nước sơn xuống cấp, bong tróc ẩm mốc.
  - + Mái ở mức trung bình, đã xuống cấp.
- **Chất lượng còn lại của phần công trình xây dựng:**

| Kết cấu chính                                      | Tỷ lệ của kết cấu chính % | Tỷ lệ hao mòn % | Tỷ lệ chất lượng còn lại % | Tỷ lệ còn lại của kết cấu chính % |
|----------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------------------------|
| Móng                                               | 10                        | 41              | 59                         | 5,9                               |
| Khung, cột                                         | -                         | -               | -                          | -                                 |
| Tường                                              | 18                        | 41              | 59                         | 10,62                             |
| Nền,sàn                                            | 16                        | 42              | 58                         | 9,28                              |
| Kết cấu đỡ mái                                     | 3                         | 43              | 57                         | 1,71                              |
| Mái                                                | 10                        | 44              | 56                         | 5,6                               |
| Tổng cộng                                          | 57                        |                 |                            | 33,11                             |
| <b>Tỷ lệ chất lượng còn lại của công trình (%)</b> |                           |                 |                            | <b>58,09%</b>                     |

**c. Nhà C**

- Quy mô/Số tầng: Nhà 4 tầng.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 41,40m<sup>2</sup>.
- Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, sàn gỗ, cột BTCT, cột gạch, nền gạch Ceramic, mái tôn.
- Hiện trạng: Đang sử dụng bình thường.
- Đánh giá chất lượng còn lại của công trình xây dựng:
  - + Ngoại quan tổng thể bên ngoài ở mức trung bình, nhà đã cũ.
  - + Tường ở mức trung bình, nước sơn xuống cấp, bong tróc ẩm mốc.
  - + Mái ở mức trung bình, đã xuống cấp.
- **Chất lượng còn lại của phần công trình xây dựng:**

| Kết cấu chính                                      | Tỷ lệ của kết cấu chính % | Tỷ lệ hao mòn % | Tỷ lệ chất lượng còn lại % | Tỷ lệ còn lại của kết cấu chính % |
|----------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------------------------|
| Móng                                               | 10                        | 41              | 59                         | 5,9                               |
| Khung, cột                                         | -                         | -               | -                          | -                                 |
| Tường                                              | 18                        | 41              | 59                         | 10,62                             |
| Nền,sàn                                            | 16                        | 42              | 58                         | 9,28                              |
| Kết cấu đỡ mái                                     | 3                         | 43              | 57                         | 1,71                              |
| Mái                                                | 10                        | 44              | 56                         | 5,6                               |
| Tổng cộng                                          | 57                        |                 |                            | 33,11                             |
| <b>Tỷ lệ chất lượng còn lại của công trình (%)</b> |                           |                 |                            | <b>58,09%</b>                     |

#### **d. Nhà D**

- Quy mô/Số tầng: Nhà 4 tầng.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 158,20m<sup>2</sup>.
- Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, sàn gỗ, cột BTCT, cột gạch, nền gạch Ceramic, mái BTCT.
- Hiện trạng: Đang sử dụng bình thường.
- Đánh giá chất lượng còn lại của công trình xây dựng:
  - + Ngoại quan tổng thể bên ngoài ở mức trung bình, nhà đã cũ.
  - + Tường ở mức trung bình, nước sơn xuống cấp, bong tróc ẩm mốc.
  - + Nền sàn trung bình, trầy xước nhiều.
  - + Mái ở mức trung bình, đã xuống cấp.
- **Chất lượng còn lại của phần công trình xây dựng:**

| Kết cấu chính                                      | Tỷ lệ của kết cấu chính % | Tỷ lệ hao mòn % | Tỷ lệ chất lượng còn lại % | Tỷ lệ còn lại của kết cấu chính % |
|----------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------------------------|
| Móng                                               | 10                        | 41              | 59                         | 5,9                               |
| Khung, cột                                         | -                         | -               | -                          | -                                 |
| Tường                                              | 18                        | 41              | 59                         | 10,62                             |
| Nền,sàn                                            | 16                        | 42              | 58                         | 9,28                              |
| Kết cấu đỡ mái                                     | 3                         | 43              | 57                         | 1,71                              |
| Mái                                                | 10                        | 44              | 56                         | 5,6                               |
| Tổng cộng                                          | 57                        |                 |                            | 33,11                             |
| <b>Tỷ lệ chất lượng còn lại của công trình (%)</b> |                           |                 |                            | <b>58,09%</b>                     |

#### **3.1.4. Quy hoạch**

- Tài sản thẩm định thuộc khu vực quy hoạch đất ở theo Đồ án "Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 3, Quận 3" đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định số 114/QĐUBND ngày 09/01/2013.

### **4. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG, CÁC THÔNG TIN VỀ THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CỦA NHÓM (LOẠI) TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ**

#### **4.1. Thông tin tổng quan về thị trường**

- Qua khảo sát thông tin tại khu vực thẩm định giá, Saigon PA nhận định thị trường cung cầu bất động sản dồi dào đối với tài sản là đất ở tại đô thị có quy mô diện tích vừa và nhỏ.
- Thông tin rao bán chủ yếu từ website, môi giới, chủ tài sản Giao dịch được thực hiện chủ yếu thông qua thỏa thuận giá giữa bên mua và bên bán.
- Triển vọng: Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô trong nước thuận lợi, tăng trưởng kinh tế tiếp tục duy trì ở mức cao, lạm phát, tỷ giá tăng trong tầm kiểm soát, các văn bản luật mới về bất động sản có hiệu lực, thị trường bất động sản phục hồi tích cực cả về giá lẫn khối lượng giao dịch ở một số phân khúc. Mặc dù vẫn còn tồn tại khó khăn như mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng, tín dụng ngành có khả năng bị kiểm soát chặt hơn trong thời gian tới, tăng trưởng nóng ở một số khu vực, phân khúc nhưng với triển vọng tăng trưởng kinh tế, điều kiện vĩ mô tích cực, chính sách điều hành linh hoạt của Chính phủ, Saigon PA nhận định thị trường bất động sản trong nước nói chung và tại khu vực thẩm định giá nói riêng nhiều khả năng tiếp tục đà phục hồi trong trung hạn và phát triển ổn định trong dài hạn.

#### **4.2. Thông tin về các yếu tố kinh tế, xã hội và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến giá trị tài sản thẩm định**

- Yếu tố về kinh tế: Khu dân cư tập trung đông đúc; hoạt động kinh tế phát triển; thu nhập bình quân đầu người ở mức cao.
- Yếu tố về xã hội: Cơ sở hạ tầng giao thông phát triển; hệ thống điện, nước, dịch vụ viễn thông có; dân trí cao; an ninh xã hội được đảm bảo.

## 5. GIÁ THIẾT VÀ GIÁ THIẾT ĐẶC BIỆT

- Pháp lý của tài sản thẩm định giá là hợp pháp.
- Điều kiện giao dịch trên thị trường bình thường, người bán sẵn sàng bán và người mua sẵn sàng mua, không bị chi phối bởi lý do chủ quan khác.
- Giá ước tính giao dịch thành công là giá đại diện cho tài sản trên thị trường.
- Người cung cấp thông tin/hướng dẫn khảo sát có đầy đủ thẩm quyền, hiểu biết về tài sản.
- Giá thiết đặc biệt: xác định giá trị tài sản thẩm định trong điều kiện giả định chủ tài sản được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong tương lai (chưa xem xét đến các chi phí liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có).

## 6. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH GIÁ:

### 6.1. Cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá áp dụng

- Căn cứ vào đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của tài sản thẩm định giá, mục đích thẩm định giá và nguồn thông tin thu thập được, Saigon PA lựa chọn các phương pháp thẩm định thuộc các cách tiếp cận sau để xác định giá trị tài sản:
  - Cách tiếp cận từ thị trường – phương pháp so sánh:
    - + *Phương pháp so sánh: Phương pháp so sánh là phương pháp thẩm định giá, xác định giá trị của tài sản thẩm định giá dựa trên cơ sở phân tích mức giá của các tài sản so sánh để ước tính, xác định giá trị của tài sản thẩm định giá.*
  - Cách tiếp cận từ chi phí – phương pháp chi phí thay thế:
    - + *Phương pháp chi phí thay thế là phương pháp thẩm định giá xác định giá trị của tài sản thẩm định giá dựa trên cơ sở chênh lệch giữa chi phí thay thế để tạo ra một tài sản tương tự tài sản thẩm định giá có cùng chức năng, công dụng theo giá thị trường hiện hành và giá trị hao mòn của tài sản thẩm định giá.*

### 6.2. Xác định giá trị tài sản cần thẩm định giá

#### 6.2.1. Xác định giá trị quyền sử dụng đất

#### ❖ Thông tin giao dịch thị trường và các yếu tố so sánh

Tiến hành khảo sát thị trường, Saigon PA thu thập được thông tin về 3 giao dịch/mua bán tài sản tương đồng nhất với tài sản thẩm định:

| STT | Yếu tố so sánh                 | TSTĐ                                                | TSSS1                                         | TSSS2                                         | TSSS3                                               |
|-----|--------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | Thời điểm/Tình trạng giao dịch |                                                     | Rao bán tháng 5/2026                          | Rao bán tháng 5/2026                          | Rao bán tháng 4/2026                                |
| 2   | Thông tin tham chiếu           |                                                     | Ngô Tú - 0911160692                           | Tâm Nguyễn - 0935553303                       | Văn Thiệp - 0931118655                              |
| 3   | Tình trạng pháp lý             |                                                     | Giấy chứng nhận QSDĐ                          | Giấy chứng nhận QSDĐ                          | Giấy chứng nhận QSDĐ                                |
| 4   | Điều kiện giao dịch            | Tài sản giao dịch thông thường                      | Tài sản giao dịch thông thường                | Tài sản giao dịch thông thường                | Tài sản giao dịch thông thường                      |
| 5   | Mục đích sử dụng đất           | ODT                                                 | ODT                                           | ODT                                           | ODT                                                 |
| 6   | Vị trí                         | 2 mặt Hẻm 51 Đường Cao Thắng, phường Bàn Cờ, Tp HCM | Hẻm 51 Đường Cao Thắng, phường Bàn Cờ, Tp HCM | Hẻm 51 Đường Cao Thắng, phường Bàn Cờ, Tp HCM | Hẻm Đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Bàn Cờ, Tp HCM |
| 7   | Chiều rộng mặt tiền            | 4,72m                                               | 10,0m                                         | 3,0m                                          | 4,0m                                                |
| 8   | Quy mô diện tích               | 81,90m                                              | 65,0m <sup>2</sup>                            | 28,5m <sup>2</sup>                            | 64,0m <sup>2</sup>                                  |
| 9   | Cơ sở hạ tầng                  | Đường nhựa 6m                                       | Đường bê tông 6m                              | Đường bê tông 6m                              | Đường bê tông 6m                                    |

| STT | Yếu tố so sánh                                                | TSTĐ                                  | TSSS1                                                                                       | TSSS2                                                                                       | TSSS3                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10  | Hình dáng                                                     | Cân đối                               | Cân đối                                                                                     | Cân đối                                                                                     | Cân đối                                                                                     |
| 11  | Phong thủy                                                    | Không có bất lợi gì về mặt phong thủy | Không có bất lợi gì về mặt phong thủy                                                       | Không có bất lợi gì về mặt phong thủy                                                       | Không có bất lợi gì về mặt phong thủy                                                       |
| 12  | Giá rao bán (VND)                                             |                                       | 27.000.000.000                                                                              | 9.300.000.000                                                                               | 20.800.000.000                                                                              |
| 13  | Nhận định từ giá rao bán về giá ước tính giao dịch thành công |                                       | Qua khảo sát thông tin trên thị trường, SaigonPA đánh giá khả năng thương lượng về giá thấp | Qua khảo sát thông tin trên thị trường, SaigonPA đánh giá khả năng thương lượng về giá thấp | Qua khảo sát thông tin trên thị trường, SaigonPA đánh giá khả năng thương lượng về giá thấp |
| 14  | Giá ước tính giao dịch thành công (VND)                       |                                       | 24.300.000.000                                                                              | 9.114.000.000                                                                               | 20.384.000.000                                                                              |
| 15  | Kết cấu công trình xây dựng                                   |                                       | Nhà 5 tầng                                                                                  | Nhà 3 tầng + lửng                                                                           | Nhà 4 tầng                                                                                  |
| 16  | Diện tích sàn sử dụng                                         |                                       | 325,0                                                                                       | 129,1                                                                                       | 224,0                                                                                       |
| 17  | Giá trị công trình xây dựng (VND)                             |                                       | 2.436.801.250                                                                               | 797.153.770                                                                                 | 1.679.518.400                                                                               |
| 18  | Đơn giá QSDĐ (VND/m <sup>2</sup> )                            |                                       | 336.357.000                                                                                 | 291.819.000                                                                                 | 292.258.000                                                                                 |

❖ **Bảng điều chỉnh**

Trên cơ sở phân tích, đánh giá, so sánh, điều chỉnh các đặc trưng của tài sản so sánh so với tài sản thẩm định giá, Saigon PA tiến hành lập bảng điều chỉnh các yếu tố so sánh để xác định các mức giá chỉ dẫn như sau:

| STT | Yếu tố so sánh                           | TSTĐ                                                | TSSS1                                         | TSSS2                                         | TSSS3                                               |
|-----|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| A   | Đơn giá thị trường (VND/m <sup>2</sup> ) |                                                     | 336.357.000                                   | 291.819.000                                   | 292.258.000                                         |
| B   | Điều chỉnh theo các yếu tố so sánh       |                                                     |                                               |                                               |                                                     |
| 1   | Tình trạng pháp lý                       | Giấy chứng nhận QSDĐ                                | Giấy chứng nhận QSDĐ                          | Giấy chứng nhận QSDĐ                          | Giấy chứng nhận QSDĐ                                |
|     | Tỷ lệ điều chỉnh                         |                                                     | 0,00%                                         | 0,00%                                         | 0,00%                                               |
|     | Mức điều chỉnh                           |                                                     | 0                                             | 0                                             | 0                                                   |
|     | Giá trị sau điều chỉnh                   |                                                     | 336.357.000                                   | 291.819.000                                   | 292.258.000                                         |
| 2   | Điều kiện giao dịch                      | Tài sản giao dịch thông thường                      | Tài sản giao dịch thông thường                | Tài sản giao dịch thông thường                | Tài sản giao dịch thông thường                      |
|     | Tỷ lệ điều chỉnh                         |                                                     | 0,00%                                         | 0,00%                                         | 0,00%                                               |
|     | Mức điều chỉnh                           |                                                     | 0                                             | 0                                             | 0                                                   |
|     | Giá trị sau điều chỉnh                   |                                                     | 336.357.000                                   | 291.819.000                                   | 292.258.000                                         |
| 3   | Vị trí                                   | 2 mặt Hẻm 51 Đường Cao Thắng, phường Bàn Cờ, Tp HCM | Hẻm 51 Đường Cao Thắng, phường Bàn Cờ, Tp HCM | Hẻm 51 Đường Cao Thắng, phường Bàn Cờ, Tp HCM | Hẻm Đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Bàn Cờ, Tp HCM |
|     | Tỷ lệ điều chỉnh                         |                                                     | 5,00%                                         | 5,00%                                         | 5,00%                                               |
|     | Mức điều chỉnh                           |                                                     | 16.817.850                                    | 14.590.950                                    | 14.612.900                                          |
|     | Giá trị sau điều chỉnh                   |                                                     | 353.174.850                                   | 306.409.950                                   | 306.870.900                                         |

| STT | Yếu tố so sánh                                                       | TSTD                                  | TSSS1                                 | TSSS2                                 | TSSS3                                 |
|-----|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| 4   | Chiều rộng mặt tiền                                                  | 4,72m                                 | 10,0m                                 | 3,0m                                  | 4,0m                                  |
|     | Tỷ lệ điều chỉnh                                                     |                                       | -8,80%                                | 1,72%                                 | 0,72%                                 |
|     | Mức điều chỉnh                                                       |                                       | -29.599.416                           | 5.019.287                             | 2.104.258                             |
|     | Giá trị sau điều chỉnh                                               |                                       | 323.575.434                           | 311.429.237                           | 308.975.158                           |
| 5   | Quy mô diện tích                                                     | 81,9m <sup>2</sup>                    | 65,0m <sup>2</sup>                    | 28,5m <sup>2</sup>                    | 64,0m <sup>2</sup>                    |
|     | Tỷ lệ điều chỉnh                                                     |                                       | -2,82%                                | -8,90%                                | -2,98%                                |
|     | Mức điều chỉnh                                                       |                                       | -9.485.267                            | -25.971.891                           | -8.709.288                            |
|     | Giá trị sau điều chỉnh                                               |                                       | 314.090.167                           | 285.457.346                           | 300.265.869                           |
| 6   | Cơ sở hạ tầng                                                        | Đường nhựa 6m                         | Đường bê tông 6m                      | Đường bê tông 6m                      | Đường bê tông 6m                      |
|     | Tỷ lệ điều chỉnh                                                     |                                       | 0,00%                                 | 0,00%                                 | 0,00%                                 |
|     | Mức điều chỉnh                                                       |                                       | 0                                     | 0                                     | 0                                     |
|     | Giá trị sau điều chỉnh                                               |                                       | 314.090.167                           | 285.457.346                           | 300.265.869                           |
| 7   | Hình dáng                                                            | Cân đối                               | Cân đối                               | Cân đối                               | Cân đối                               |
|     | Tỷ lệ điều chỉnh                                                     |                                       | 0,00%                                 | 0,00%                                 | 0,00%                                 |
|     | Mức điều chỉnh                                                       |                                       | 0                                     | 0                                     | 0                                     |
|     | Giá trị sau điều chỉnh                                               |                                       | 314.090.167                           | 285.457.346                           | 300.265.869                           |
| 8   | Phong thủy                                                           | Không có bất lợi gì về mặt phong thủy | Không có bất lợi gì về mặt phong thủy | Không có bất lợi gì về mặt phong thủy | Không có bất lợi gì về mặt phong thủy |
|     | Tỷ lệ điều chỉnh                                                     |                                       | 0,00%                                 | 0,00%                                 | 0,00%                                 |
|     | Mức điều chỉnh                                                       |                                       | 0                                     | 0                                     | 0                                     |
|     | Giá trị sau điều chỉnh                                               |                                       | 314.090.167                           | 285.457.346                           | 300.265.869                           |
| C   | Mức giá chỉ dẫn (VND/m <sup>2</sup> )                                |                                       | 314.090.167                           | 285.457.346                           | 300.265.869                           |
| C1  | Giá trị trung bình của mức giá chỉ dẫn (VND/m <sup>2</sup> )         |                                       | 299.937.794                           |                                       |                                       |
| C2  | Mức độ chênh lệch với giá trị trung bình của các mức giá chỉ dẫn (%) |                                       | 4,7%                                  | -4,8%                                 | 0,1%                                  |
| D   | <b>Nhận định mức giá chỉ dẫn (VND/m<sup>2</sup>)</b>                 |                                       | <b>299.938.000</b>                    |                                       |                                       |
| E   | Tổng giá trị điều chỉnh gộp                                          |                                       | 55.902.533                            | 45.582.128                            | 25.426.446                            |
|     | Số lần điều chỉnh                                                    |                                       | 3                                     | 3                                     | 3                                     |
|     | Biên độ điều chỉnh                                                   |                                       | 2,8% - 8,8%                           | 1,7% - 8,9%                           | 0,7% - 5,0%                           |
|     | Tổng giá trị điều chỉnh thuần                                        |                                       | -22.266.833                           | -6.361.654                            | 8.007.869                             |

❖ **Phân tích và điều chỉnh các yếu tố khác biệt giữa các tài sản so sánh và tài sản thẩm định giá**

Qua phân tích những thông tin thu thập được, Saigon PA nhận định các tài sản so sánh có sự khác biệt chủ yếu về các yếu tố vị trí, chiều rộng mặt tiền, quy mô diện tích so với tài sản cần thẩm định:

- Về vị trí: Tài sản thẩm định giá có 2 mặt tiếp giáp đường. Trong khi đó, tài sản so sánh 1, 2, 3 có 1 mặt tiếp giáp đường; nên kém lợi thế hơn so với tài sản thẩm định. Qua phân tích số liệu từ thị trường và cơ sở dữ liệu sẵn có của công ty, Saigon PA nhận định

- tài sản thẩm định giá có đơn giá quyền sử dụng đất cao hơn tài sản so sánh 1, 2, 3 là khoảng 5% về yếu tố hình dáng.
- Về yếu tố chiều rộng mặt tiền: Tài sản thẩm định có chiều rộng mặt tiền là khoảng 4,72m. Trong khi đó, tài sản so sánh 1, 2, 3 có chiều rộng mặt tiền lần lượt là 10,0m; 3,0m; 4,0m nên tài sản so sánh 1 lợi thế hơn tài sản thẩm định và tài sản so sánh 2, 3 kém lợi thế hơn tài sản thẩm định. Qua phân tích số liệu từ thị trường và cơ sở dữ liệu sẵn có của công ty, Saigon PA nhận định tài sản thẩm định giá có đơn giá quyền sử dụng đất thấp hơn tài sản so sánh 1 là khoảng 8,80% và cao hơn tài sản so sánh 2, 3 lần lượt là khoảng 1,72%; 0,72% về yếu tố chiều rộng mặt tiền.
  - Về quy mô diện tích: Tài sản thẩm định giá có quy mô diện tích 81,9m<sup>2</sup>. Trong khi đó, tài sản so sánh 1, 2, 3 có quy mô diện tích lần lượt là 65,0m<sup>2</sup>; 28,5m<sup>2</sup>; 64,0m<sup>2</sup>; nên lợi thế hơn so với tài sản thẩm định. Qua phân tích số liệu từ thị trường và cơ sở dữ liệu sẵn có của công ty, Saigon PA nhận định tài sản thẩm định giá có đơn giá quyền sử dụng đất thấp hơn tài sản so sánh 1, 2, 3 lần lượt là khoảng 2,82%; 8,90%; 2,98% về yếu tố quy mô diện tích.

❖ **Thông nhất mức giá chỉ dẫn cho tài sản thẩm định giá:**

- Qua bảng điều chỉnh, ta thấy chênh lệch giữa mỗi mức giá chỉ dẫn với mức giá trung bình của các mức giá chỉ dẫn không quá 15%. Saigon PA đề xuất sử dụng bình quân mức giá chỉ dẫn sau điều chỉnh của 3 tài sản so sánh để làm đơn giá chỉ dẫn cho tài sản thẩm định, tương ứng là **299.938.000 VND/m<sup>2</sup>**.
- Tài sản thẩm định có diện tích đất là 81,90 m<sup>2</sup>

$$\begin{aligned} \text{Giá trị quyền sử dụng đất} &= \text{Diện tích} \times \text{Đơn giá} \\ &= 81,90 \text{ m}^2 \times \mathbf{299.938.000 \text{ VND/m}^2} \\ &= \mathbf{24.564.922.200 \text{ VNĐ.}} \end{aligned}$$

**6.2.2. Xác định giá trị công trình xây dựng**

- Căn cứ đặc điểm của tài sản thẩm định giá, các thông tin thu thập được trên thị trường, Saigon PA nhận định không đủ cơ sở để xác định giá trị tài sản theo phương pháp so sánh thuộc cách tiếp cận từ thị trường và các phương pháp thuộc cách tiếp cận từ thu nhập, do không thu thập được thông tin chuyển nhượng hoặc chào mua hoặc chào bán của tài sản so sánh tương tự tại thời điểm thẩm định giá, khu vực thẩm định giá và thông tin thu nhập có thể được tạo ra từ tài sản trong tương lai. Do đó, Saigon PA đề xuất xác định giá trị tài sản theo phương pháp chi phí thay thế thuộc cách tiếp cận từ chi phí.
- Giá trị công trình xây dựng trên đất được xác định theo công thức sau:  

$$\text{Giá trị của CTXD hiện tại} = \text{Diện tích sử dụng (m}^2\text{)} \times \text{Đơn giá xây dựng (VND/m}^2\text{)} \times \text{CLCL của công trình (\%)}$$

| STT       | Tên tài sản | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Chất lượng còn lại (%) | Đơn giá (VND/m <sup>2</sup> ) | Thành tiền (làm tròn) (VND) |
|-----------|-------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| 1         | Nhà A       | 45,00                       | 58,09%                 | 8.173.000                     | 213.646.000                 |
| 2         | Nhà B       | 60,60                       | 58,09%                 | 8.173.000                     | 287.710.000                 |
| 3         | Nhà C       | 41,40                       | 58,09%                 | 8.173.000                     | 196.555.000                 |
| 4         | Nhà D       | 158,20                      | 58,09%                 | 8.821.000                     | 810.636.000                 |
| Tổng cộng |             |                             |                        |                               | <b>1.508.547.000</b>        |

- Saigon PA xác định đơn giá xây dựng mới công trình căn cứ vào chi phí xây dựng công trình qua các năm của UBND TPHCM và một số Suất vốn đầu tư của các Công ty xây dựng đã được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm tài sản thẩm định, khu vực và thời điểm thẩm định giá. Giá trị công trình xây dựng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và lợi nhuận nhà đầu tư.

#### 7. GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ:

| Stt                                  | Tên tài sản                                                                                                                                                                                                                                                                         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (VND/m <sup>2</sup> ) | Giá trị thẩm định (VND) |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| I                                    | Thửa phân chiết số 59-1, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính phường Bàn Cờ, Tp HCM (địa chỉ: 51/34 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, TP HCM) theo bản đồ hiện trạng vị trí có số HĐ: 132142/TTĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Nông nghiệp và Môi trường TP HCM cấp ngày 06/05/2026. |                             |                               |                         |
| 1                                    | Giá trị quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                           | 81,90                       | 299.938.000                   | 24.564.922.200          |
| 2                                    | Giá trị công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |                               | 1.508.547.000           |
| <b>Tổng giá trị (VND)</b>            |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |                               | <b>26.073.469.200</b>   |
| <b>Tổng giá trị (VND) (làm tròn)</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |                               | <b>26.073.000.000</b>   |

**Kết luận tổng giá trị tài sản (làm tròn): 26.073.000.000 VND.**

**Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ không trăm bảy mươi ba triệu đồng.**

#### 8. THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Thời hạn sử dụng kết quả thẩm định giá tài sản này là sáu (06) tháng kể từ ngày phát hành chứng thư thẩm định giá.

#### 9. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ VÀ HẠN CHẾ CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ:

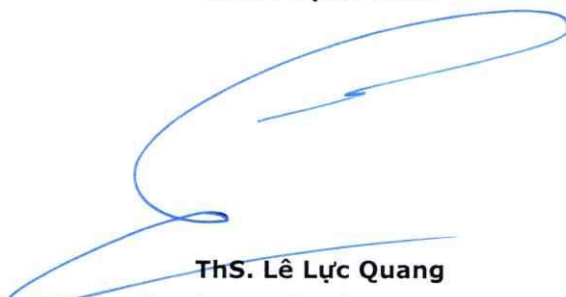
- Kết quả thẩm định giá chỉ có hiệu lực khi các bên tham gia tuân thủ và hoàn thành các điều khoản trong hợp đồng thẩm định giá số A.093/26/SaigonPA/HĐ. Trong trường hợp khách hàng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ thanh toán đã ghi trong Hợp đồng nêu trên trong thời hạn quy định thì mặc nhiên hợp đồng vô hiệu và toàn bộ Chứng thư/ Báo cáo thẩm định giá liên quan đến Hợp đồng này nếu được thoả thuận giao trước cho khách hàng sẽ không có giá trị pháp lý.
- Khách hàng là chủ tài sản hoặc bên thứ ba yêu cầu thẩm định giá phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc cung cấp hồ sơ pháp lý, tài liệu liên quan quyền sở hữu, quyền sử dụng, đặc tính kinh tế - kỹ thuật và các tính năng khác có liên quan đến tài sản thẩm định và hướng dẫn Saigon PA khi khảo sát vị trí và hiện trạng thực tế tài sản.
- Khách hàng và các bên liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh mục, số lượng và các thông tin khác liên quan đến tài sản được thẩm định giá đã cung cấp. Saigon PA không thẩm định tính sở hữu hợp pháp hay những thay đổi pháp lý trên giấy tờ gốc mà có thể hiện hoặc không thể hiện trên bản sao đã được cung cấp, và Saigon PA giả định rằng tất cả giấy tờ pháp lý được cung cấp là trung thực và chính xác.
- Kết quả thẩm định trên đây, mặc dù đã được khảo sát, phân tích rất kỹ lưỡng nhưng vẫn là ý chủ quan của Tổ thẩm định giá. Nó có giá trị tham khảo cho mục đích đã ghi trong hợp đồng tại thời điểm thẩm định giá.

- Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng "cho một mục đích thẩm định giá" duy nhất theo yêu cầu của khách hàng tại hợp đồng. Chúng tôi không chịu trách nhiệm khi khách hàng sử dụng chứng thư sai mục đích đã yêu cầu.
- Báo cáo thẩm định giá được lập dựa trên pháp lý, đặc điểm kinh tế kỹ thuật, hiện trạng của tài sản thẩm định, năng lực chuyên môn của tổ thẩm định, các giả định, giả thiết được nêu xuyên suốt trong nội dung của báo cáo. Độ tin cậy của báo cáo phụ thuộc nhiều vào khả năng nhận xét và mức độ am hiểu của người đọc đối với các điều khoản đính kèm trong bản báo cáo này. Saigon PA hoàn toàn không có bất kỳ lợi ích nào, ngoài hợp đồng dịch vụ thẩm định giá, có thể gây ra mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến giá trị tài sản thẩm định.
- Các số liệu được đo lại trên bản vẽ sơ đồ nhà đất hoặc bản đồ quy hoạch như diện tích, chiều rộng mặt tiền, chiều rộng mặt cắt đường (nếu có) chỉ mang tính tham khảo do có thể có sự sai lệch tỷ lệ trên bản vẽ hoặc sai số trong quá trình đo đạc của tổ thẩm định. Sự sai lệch này có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định giá. Do đó, Saigon PA đề nghị các bên liên quan lưu ý khi sử dụng Chứng thư thẩm định giá.
- Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị khi đi kèm với các giả thiết, giả định được nêu xuyên suốt trong báo cáo thẩm định giá. Khách hàng và các bên liên quan chấp nhận rủi ro khi một số giả định được nêu ra có thể không chính xác trong thực tế, làm ảnh hưởng đến kết quả thẩm định giá. Do đó, Saigon PA đề nghị các bên liên quan cần xem xét kỹ trước khi sử dụng Chứng thư thẩm định giá.

#### 10. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO: (Nếu có)

- Hồ sơ thẩm định giá của tài sản: kế hoạch thẩm định giá, các giấy tờ pháp lý liên quan đến tài sản thẩm định, sơ đồ vị trí tài sản, hình ảnh thực tế tài sản, báo cáo kiểm soát nội bộ và biên bản khảo sát hiện trạng tài sản.

**THẨM ĐỊNH VIÊN**

  
**ThS. Lê Lực Quang**  
 Số thẻ TĐV về giá: XII17.1821

**TUQ. CTHĐTV kiêm GIÁM ĐỐC**

**P.CHỦ TỊCH HĐQT**  
  
**Nguyễn Thị Diệu Vi**  
 Số thẻ TĐV về giá: IX14.1228

# MỘT SỐ HÌNH ẢNH TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ



Đường tiếp giáp tài sản thẩm định



Đường tiếp giáp tài sản thẩm định



Nhà A



Nhà A



Nhà B



Nhà B



Nhà C



Nhà C



Nhà D



Nhà D



Nhà D



Nhà D

## SƠ ĐỒ VỊ TRÍ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ

Tọa độ: 10.769599377383468, 106.6810583657571

